

Số: /KH-MNS2TY

Thanh Yên, ngày 8 tháng 9 năm 2023

**KẾ HOẠCH**  
**Thực hiện 3 công khai năm học 2023 - 2024**

*Thực hiện Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân;*

*Thông tư số 52/2020/TT/BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ Trường mầm non.*

*Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-UBND ngày 6/7/2023 về việc giao giao số lớp, số học sinh, số người làm việc cho các đơn vị trường học trực thuộc huyện Điện Biên năm học 2023 – 2024.*

*Căn cứ Kế hoạch số 1072/KH-PGDĐT của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên ngày 14/9/2023 Kế hoạch công tác kiểm tra năm học 2023-2024*

*Thực hiện công văn số: 1040/PGDĐT-GDMN ngày 06/9/2023 của phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Điện Biên Về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2023 - 2024.*

*Căn cứ văn bản số 1057/PGDĐT-CM ngày 08/9/2023 của Phòng GD&ĐT huyện Điện Biên V/v hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2023-2024;*

*Căn cứ vào kế hoạch số: 66/KH-MNS2TY ngày 27/8/2021 phát triển chiến lược nhà trường giáo dục giai đoạn 2021-2025 định hướng năm 2030 của trường Mầm non số 2 xã Thanh Yên;*

Căn cứ thực trạng kế hoạch phát triển giáo dục của nhà trường. Trường Mầm non số 2 xã Thanh Yên xây dựng kế hoạch Thực hiện 3 công khai năm học 2023-2024 như sau:

**I. Mục tiêu thực hiện.**

- Thực hiện công khai cam kết của nhà trường về chất lượng giáo dục thực tế, về điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và về thu chi tài chính để người học, các thành viên của nhà trường và xã hội tham gia giám sát và đánh giá nhà trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện công khai của nhà trường nhằm nâng cao tính minh bạch, phát huy dân chủ, tăng cường tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm của nhà trường trong quản lý nguồn lực và đảm bảo chất lượng giáo dục.

**II. Nội dung thực hiện.**

## **1. Công khai cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực**

### **a) Cam kết chất lượng giáo dục:**

Điều kiện về đối tượng tuyển sinh của nhà trường, chương trình giáo dục mà nhà trường tuân thủ, yêu cầu phối hợp giữa nhà trường và gia đình, yêu cầu thái độ học tập của học sinh, điều kiện cơ sở vật chất của nhà trường, các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt cho học sinh ở nhà trường, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý và phương pháp quản lý của nhà trường; kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được; khả năng học tập tiếp tục của học sinh (Theo Biểu mẫu 01).

b) Chất lượng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục thực tế: công khai số trẻ em nhóm ghép, số trẻ em học một hoặc hai buổi/ngày, số trẻ em khuyết tật học hòa nhập, số trẻ em được tổ chức ăn tại cơ sở, kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em, số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục, có sự phân chia theo các nhóm tuổi (Theo Biểu mẫu 02).

c) Đạt chuẩn quốc gia: kế hoạch duy trì trường đạt chuẩn quốc gia và kết quả đạt được qua các mốc thời gian.

## **2. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng nhà trường**

### **a) Cơ sở vật chất:**

Diện tích đất, sân chơi, số lượng, diện tích các loại phòng học, phòng chức năng, phòng nghỉ cho học sinh, bán trú, tính bình quân trên một học sinh; số thiết bị dạy học đang sử dụng, tính bình quân trên một lớp (Biểu mẫu 03).

### **b) Đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:**

- Số lượng, chức danh có phân biệt theo hình thức tuyển dụng và trình độ đào tạo.

- Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đào tạo, bồi dưỡng; hình thức, nội dung, trình độ và thời gian đào tạo và bồi dưỡng trong năm học và 2 năm tiếp theo (Biểu mẫu 04).

## **3. Công khai thu chi tài chính**

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 3/8/2018 của Bộ giáo dục và đào tạo về việc quy định tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ quyết định số 19/2021/QĐ-UBND, ngày 26/8/2021 của UBND tỉnh Điện Biên quy định các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ các hoạt động giáo dục của nhà trường đối với các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ văn bản số 2056/SGDDĐT- KHTC ngày 22/8/2023 của Sở Giáo Dục và Đào Tạo tỉnh Điện Biên về hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2023-2024;

Căn cứ quyết định số 2112/UBND-GDDT ngày 25/8/2023 của UBND huyện Điện Biên về hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong cơ sở giáo dục năm học 2023-2024;

Căn cứ công văn số: Số 989/PGDDT-CV ngày 28 tháng 8 năm 2023 của phòng Giáo Dục và Đào Tạo huyện Điện Biên V/v hướng dẫn thực hiện các khoản thu trong các cơ sở giáo dục năm học 2023-2024

Căn cứ TT 65/2021/TT-BTC ngày 29/7/2021 Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bảo dưỡng, sửa chữa tài sản công.

Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính Phủ về kiểm soát TSTN của người có chức vụ quyền hạn trong cơ quan, tổ chức đơn vị.

Căn cứ Nghị định số: 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí hỗ trợ chi phí học tập, giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục có hiệu lực từ ngày 15/10/2021.

Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia của Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Kế hoạch số 830/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về xây dựng trường học đạt kiểm định chất lượng giáo dục và đạt Chuẩn Quốc gia giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện công khai các khoản tiền có nguồn từ ngân sách nhà nước và các khoản tiền có nguồn từ các khoản đóng góp của nhân dân.

Thực hiện niêm yết các biểu mẫu công khai dự toán, quyết toán thu chi tài chính theo hướng dẫn của Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính.

Công khai học phí và các khoản thu khác từ người học: Mức thu học phí và các khoản thu khác theo từng năm học.

Công khai các khoản chi theo từng năm học: Các khoản chi lương, chi bồi dưỡng chuyên môn, chi hội họp, hội thảo, chi tham quan học tập trong nước và nước ngoài; mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý (mức cao nhất, bình quân và thấp nhất); mức chi thường xuyên/1 học sinh; chi đầu tư xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị.

Công khai chính sách và kết quả thực hiện chính sách hàng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí đối với người học thuộc diện được hưởng chính sách xã hội.

Công khai kết quả kiểm toán (nếu có)

Công khai chính sách học bổng và kết quả thực hiện trong từng năm học.

### **III. Hình thức và thời điểm công khai.**

#### **a) Hình thức:**

- Niêm yết công khai tại bản thông tin nhà trường.
- Công khai trong các kỳ họp, hội nghị ban đại diện CMHS.

#### **b) Thời điểm công khai:**

Công khai vào tháng 9, 10 đầu năm học và 5, 6 hàng năm khi kết thúc năm học, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác và cập nhật khi khai giảng năm học (tháng 9) và khi có thông tin mới hoặc thay đổi.

### **IV. Tổ chức thực hiện và chế độ báo cáo.**

- Hiệu trưởng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các nội dung, hình thức và thời điểm công khai theo quy định. Thực hiện tổng kết, đánh giá công tác công khai nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả công tác quản lý.

- Thực hiện công bố kết quả kiểm tra vào thời điểm không quá 5 ngày sau khi nhận được kết quả kiểm tra của cơ quan chỉ đạo, chủ trì tổ chức kiểm tra và bằng các hình thức sau đây:

+ Công bố công khai trong cuộc họp với cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường.

+ Niêm yết công khai kết quả kiểm tra tại nhà trường đảm bảo thuận tiện cho cán bộ, giáo viên, nhân viên, cha mẹ học sinh hoặc người học xem xét.

Trên đây là kế hoạch Thực hiện công khai về chất lượng giáo dục thực tế, điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục và thu chi tài chính năm học 2023 - 2024 của trường Mầm non số 2 xã Thanh Yên.

#### ***Nơi nhận:***

- CBGV- NV- PH;
- Công khai văn phòng trường;
- Lưu NT.

**HIỆU TRƯỞNG**

***Nguyễn Thị Phương Lan***

## Biểu mẫu 01

### PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 XÃ THANH YÊN

#### THÔNG BÁO

**Công khai chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non  
năm học 2022 - 2023**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Nhà trẻ</b>	<b>Mẫu giáo</b>
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	Trẻ phát triển kênh bình thường đạt 97%	Trẻ phát triển kênh bình thường đạt 98,3%
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Chương trình giáo dục nhà trường	Chương trình giáo dục nhà trường
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	67/68 trẻ đạt 97%	185/188 trẻ đạt 98,4%
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	Đảm bảo đủ các điều kiện nuôi dưỡng trẻ	Đảm bảo đủ các điều kiện nuôi dưỡng trẻ

*Thanh Yên, ngày 6 tháng 9 năm 2023*

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Biểu mẫu 02****PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 XÃ THANH YÊN****THÔNG BÁO****Công khai chất lượng giáo dục mầm non thực tế, năm học 2023-2024**

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
<b>I</b>	<b>Tổng số trẻ em</b>							
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	256			68	54	69	65
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
<b>II</b>	<b>Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú</b>	256			68	54	69	65
<b>III</b>	<b>Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe</b>	256			68	54	69	65
<b>IV</b>	<b>Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng</b>	256			68	54	69	65
<b>V</b>	<b>Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em</b>							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	253			67	53	68	65
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	3			1	1	1	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	249			65	51	68	65
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	10			4	3	3	

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
5	<i>Số trẻ thừa cân béo phì</i>							
<b>VI</b>	<b>Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục</b>							
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ				68			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo					54	69	65

Thanh Yên, ngày 6 tháng 9 năm 2023  
 Thủ trưởng đơn vị  
 (Ký tên và đóng dấu)

**Biểu mẫu 03****PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN  
TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 XÃ THANH YÊN****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất của CSGDMN, năm học 2023-2024**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Bình quân</b>
<b>I</b>	<b>Tổng số phòng</b>	9	Số m <sup>2</sup> /trẻ em
<b>II</b>	<b>Loại phòng học</b>		-
1	Phòng học kiên cố	9	1,47
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
<b>III</b>	<b>Số điểm trường</b>	0	-
<b>IV</b>	<b>Tổng diện tích đất toàn trường (m<sup>2</sup>)</b>	2881	12,4
<b>V</b>	<b>Tổng diện tích sân chơi (m<sup>2</sup>)</b>	844	3,5
<b>VI</b>	<b>Tổng diện tích một số loại phòng</b>		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m <sup>2</sup> )	342	1,47
2	Diện tích phòng ngủ (m <sup>2</sup> )	40	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m <sup>2</sup> )	55	
4	Diện tích hiên chơi (m <sup>2</sup> )	211	
5	<i>Diện tích phòng giáo dục thể chất (m<sup>2</sup>)</i>	72	
6	<i>Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m<sup>2</sup>)</i>	37	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m <sup>2</sup> )	80	
<b>VII</b>	<b>Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)</b>	9	Số bộ/nhóm (lớp)
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	9	9/9
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	0



STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	6	Số bộ/sân chơi (trường)
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	17	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		Số thiết bị/nhóm (lớp)
1	Máy bơm nước	2	

		Số lượng(m <sup>2</sup> )				
XI	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m <sup>2</sup> /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		49		
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XIV	Kết nối internet	x	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	x	
XVI	Tường rào xây	x	

Thanh Yên, ngày 6 tháng 9 năm 2023

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Biểu mẫu 04**  
**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN ĐIỆN BIÊN**  
**TRƯỜNG MẦM NON SỐ 2 XÃ THANH YÊN**

**THÔNG BÁO**

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2022-2023**

ST	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Đạt	CĐ
	<b>Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên</b>	26			24	1	1	1	0	11	11	10	12	0	0
<b>I</b>	<b>Giáo viên</b>														
1	Nhà trẻ	6			6				2	3	3	2	4		
2	Mẫu giáo	14			13	1				8	6	6	8		
<b>II</b>	<b>Cán bộ quản lý</b>	2													
1	Hiệu trưởng	1			1						1	1			
2	Phó hiệu trưởng	1			1						1	1			
<b>III</b>	<b>Nhân viên</b>														
1	Nhân viên văn thư	1				1									
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ														
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác	1						1							

*Thanh Yên, ngày 6 tháng 9 năm 2023*

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)